

Bản án số: **180/2018/HC-PT**

Ngày: 26/10/2018

V/v Khiếu kiện QĐ thu hồi đất và QĐ
phê duyệt phương án BTHTTĐC

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 127/2018/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127A/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T.

Địa chỉ: thành phố N.

Địa chỉ liên lạc: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của bà Phùng Thị T là ông Huỳnh Văn N (theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hà L, Luật sư – Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Huy T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N. Có xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố N. (Theo văn bản ủy quyền số 1635/UBND-TNMT ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Hồ Thị H, phó Trưởng phòng (có đơn xin xử vắng mặt); Bà Nguyễn Diệu H, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Ông Nguyễn Văn Q, phó Trưởng phòng Quản lý dự án 2- Ban quản lý dự án các công trình xây dựng giao thông tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh M; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
- Anh Huỳnh Thanh T; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Phương Trà M; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
- Cháu Huỳnh Minh T1; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu T1: Anh Huỳnh Thanh T (là cha của cháu T1). Vắng mặt.

- Anh Huỳnh Thanh Q; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
- Anh Huỳnh Thanh Đ; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
- Chị Huỳnh Thị Kim P; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
- Cháu Võ Khôi N; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyên: Chị Huỳnh Thị Kim P (là mẹ của cháu Nguyên). Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đại diện có ông Lê Đức V, Chủ tịch UBND tỉnh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 11/3/2016, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố N ban hành Quyết định số 1122/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T đang sử dụng để thực hiện dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư C, phường X) và Quyết định số 1203/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T có đất bị thu hồi thuộc dự án Chỉnh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái (Khu dân cư

C, phường X, thành phố N).

Ngày 31/3/2016, ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1122/QĐ-UBND và Quyết định số 1203/QĐ- UBND cùng ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện có quan điểm trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố N thu hồi đất của gia đình ông N để sử dụng vào mục đích kinh doanh nhưng lại ban hành Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích công cộng là không đúng, dẫn đến áp dụng phương án bồi thường, hỗ trợ cũng như áp giá bồi thường (theo Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 11/3/2016) không đúng, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N. Ngoài ra, Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 phê duyệt bồi thường, hỗ trợ không đúng diện tích đất và tài sản trên đất của gia đình ông N. Cụ thể: diện tích sử dụng thực tế của gia đình ông từ trước 1993 đến nay là 205,6m² nhưng quyết định phê duyệt bồi thường xác định gia đình ông sử dụng 178,5m² trong đó có 9,7m² tôn tạo sau năm 2000 và 34,3m² lấn chiếm sau năm 2004; Tài sản trên đất có móng nhà N1 là bê tông cốt thép nhưng phê duyệt bồi thường là móng đá chẻ; Nhà N2 có hệ thống vệ sinh hoàn chỉnh nhưng trong quyết định phê duyệt bồi thường lại không có.

Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện còn trình bày thêm: Điều 67 Nghị định 84/2007/NĐ-CP đã bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP quy định “*Sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển khu đô thị và khu dân cư nông thôn*”. Việc thu hồi đất cho mục đích công cộng chỉ còn quy định trường hợp “*Sử dụng đất để xây dựng các công trình công cộng không nhằm mục đích kinh doanh*” theo điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP nhưng theo Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa (vào thời điểm Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 còn hiệu lực thi hành) thì đất bị thu hồi được sử dụng cho mục đích kinh doanh. Các Quyết định số 2971/QĐ- UBND ngày 06/11/2014, Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 05/12/2014, Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở dùng để bán kết hợp cho thuê. Như vậy, việc thu hồi đất ban đầu được xác định là thu hồi đất cho mục đích công cộng, nhưng sau đó đã thay đổi, tách tiểu dự án trên sang mục đích kinh doanh thương mại và xây dựng nhà ở. Việc thay đổi mục đích sử

dụng đất là trái với các quy định của Điều 37, Điều 31 Luật Đất đai năm 2003.

Người bị kiện trình bày nội dung: Dự án Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N được triển khai thực hiện theo Thông báo số 284/TB-UB ngày 01/7/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, Khu dân cư C là một tiểu dự án thuộc dự án chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư theo Quyết định số 1853/QĐ-UB ngày 31/10/2006.

Căn cứ Quyết định 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch Chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N, Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004 phê duyệt dự án đầu tư: Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2006 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Quyết định số 110/QĐ-UB phê duyệt dự án đầu tư: Chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái thành phố N - tỉnh Khánh Hòa, việc thu hồi đất để thực hiện dự án theo Quyết định số 135/QĐ- UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa là trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội theo quy định Luật Đất đai.

Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 7D-I-B-C do Công ty địa chính Khánh Hòa thiết lập tháng 11/1998 được Sở địa chính xác nhận tháng 6/2001, tương ứng với toàn bộ thửa đất số 147 tờ bản đồ số 4 (bản đồ hiện trạng do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa thiết lập ngày 19/12/2013) do hộ ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T sử dụng nằm trong dự án chinh trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ Sông Cái, thành phố N.

Ngày 29/6/2015, Tổ công tác tiến hành kiểm kê khối lượng bồi thường, giải tỏa thửa đất số 147 tờ bản đồ số 4 đối với hộ ông N, bà T.

Ngày 11/3/2016, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1122/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, Quyết định số 1203/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Quyết định số 1339/QĐ- UBND về việc giao đất tái định cư cho hộ gia đình ông N, bà T.

Căn cứ Quyết định 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa, điểm d khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ và Thông báo số 197/TB-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, UBND thành phố N ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông N, bà T là đúng quy định của pháp luật.

Theo Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường, giải tỏa và hồ sơ kỹ thuật thì thửa đất ông N, bà T đang sử dụng có diện tích 178,5m². Theo xác nhận của UBND phường X, thửa đất ông N bà T sử dụng từ năm 1975, có 134,5m² được sử dụng trước ngày 15/10/1993; có 9,7m² được sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2003 (thời điểm thông báo giải tỏa); có 34,4m² được sử dụng sau thông báo giải tỏa. Theo Bản đồ địa chính năm 2000, thửa đất của ông N, bà T có diện tích 134,5m². Theo Bản đồ trích đo địa chính lập năm 2004, thửa đất của ông N, bà T có diện tích 144,3m².

Ông N, bà T không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên UBND thành phố N căn cứ vào Giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường X ngày 20/8/2015, ông N, bà T được bồi thường 100% giá bồi thường do nhà nước quy định (giá đất cụ thể theo Quyết định 790/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa) đối với 134,5m² đất sử dụng từ năm 1975 và 50% đối với 9,8m² đất theo giá bồi thường do nhà nước quy định; diện tích đất 34,4m² là đất sử dụng sau thời điểm có thông báo giải tỏa không được bồi thường. Theo bản đồ năm 2004, diện tích đất ông N, bà T sử dụng sau ngày 15/10/1993, trước ngày 01/7/2004 có tăng 0,1m² so với xác nhận của UBND phường X, UBND thành phố N đã có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung số 4659/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 đối với 0,1m² đất nói trên.

Việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông N được UBND thành phố N căn cứ vào các quy định của Điều 6, Điều 13 Nghị định của Chính phủ số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014, khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

UBND tỉnh Khánh Hòa trình bày tại Văn bản số 4823/UBND-NC ngày 06/6/2017 với nội dung: trong quá trình thực hiện dự án thì UBND tỉnh đã ra một số văn bản, quyết định để UBND thành phố N căn cứ thực hiện. Việc UBND thành phố N ban hành các quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N là đúng với chủ trương triển khai dự án của tỉnh Khánh Hòa và đúng pháp luật.

Tại các đơn đề ngày 13/6/2017, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh M và các anh, chị Huỳnh Thanh Đ, Huỳnh Thanh Q, Huỳnh Thanh T, Huỳnh Thị Kim P đều thống nhất theo trình bày của người khởi kiện.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 89, 90, 91, 114 và Điều 146 Luật Đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, các Điều 6, 13, 19 và Điều 25 Nghị định của Chính phủ số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác yêu cầu của ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1122/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T đang sử dụng để thực hiện dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N (Khu dân cư C, phường X) và Quyết định số 1203/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T có đất bị thu hồi thuộc dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái (Khu dân cư C, phường X, thành phố N) ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/08/2017 ông Huỳnh Văn N kháng cáo đề nghị tuyên hủy bản án hành chính sơ thẩm, với lý do bản án sơ thẩm có nhận định và quyết định không đúng pháp luật và không phù hợp với thực tế. Việc thu thập chứng cứ quan trọng của vụ án không được thực hiện đầy đủ tại cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1122/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 với lý do là không thuộc trường hợp thu hồi đất vì lợi ích công cộng mà thuộc trường hợp thu hồi đất cho mục đích kinh doanh thương mại của nhà

đầu tư Công ty cổ phần Sông Đà thì thấy rằng: Dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ Sông Cái, thành phố N được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 110/QĐ-UB ngày 08/01/2004, Quyết định số 1547/QĐ-UB ngày 30/5/2003, Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chi tiết khu dân cư C, phường X, thành phố N.

Thông báo Kết luận của UBND tỉnh Khánh Hòa số 197/TB-UBND ngày 17/4/2015 về việc cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng thống nhất một phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đề nghị của UBND thành phố N. Vì vậy, dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ Sông Cái, thành phố N thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích công cộng theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án là có căn cứ theo quy định tại Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. Thửa đất số 147 tờ bản đồ số 4 (bản đồ hiện trạng khu đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa thiết lập ngày 19/12/2013) do hộ ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T sử dụng nằm trong vị trí, ranh giới Dự án, nên thuộc diện phải thu hồi. Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định thu hồi đất là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai 2013.

Quyết định thu hồi đất số 1122/QĐ-UBND được ban hành ngày 11/3/2016 nên áp dụng Luật đất đai năm 2013 là đúng. Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện đã viện dẫn các văn bản hướng dẫn pháp luật của Luật đất đai 2003 là không phù hợp. Bản án sơ thẩm nhận định Quyết định thu hồi đất số 1122/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 thuộc trường hợp thu hồi đất để chỉnh trang đô thị vì lợi ích công cộng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có cơ sở.

[2.] Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND thành phố N phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông N, bà T theo giá đất cụ thể của loại đất trong diện thu hồi tại thời điểm thực hiện thu hồi, đó là Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt giá đất bồi thường, giá giao đất ở tại khu tái định cư đối với dự án Chính trang đô thị, xây dựng kè và đường dọc bờ sông Cái, thành phố N; các quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và quy định giá bồi thường công trình kiến trúc, vật nuôi, cây trồng trên đất bị thu hồi khi

Nhà nước thu hồi đất tại các Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND, 35/2015/QĐ-UBND, 36/2015/QĐ-UBND cùng một ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, trên cơ sở khối lượng bồi thường, giải tỏa được kiểm đếm, xác nhận của UBND phường X về nguồn gốc đất thu hồi, diện tích thửa đất thể hiện trên bản đồ địa chính các thời kỳ, số nhân khẩu của gia đình tại thời điểm thông báo giải tỏa, phù hợp với quy định tại các Điều 6, 13, 19, 20, 21, 22 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đúng với quy định của các Điều 74, 75, 86, 89, 90, 91 và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

Theo đó, quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND thành phố N phê duyệt bồi thường nhà N1 có cấu trúc có móng đá chẻ, nhà N2 không hệ vệ sinh là phù hợp với Biên bản kiểm đếm ngày 29/6/2015 (có chữ ký xác nhận của ông N) nên lời trình bày của ông N về việc không được phê duyệt bồi thường đúng khối lượng tài sản trên đất là không có cơ sở.

Ông N khai diện tích đất gia đình ông sử dụng từ trước đến nay là 205,6m² nhưng không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh. Diện tích đất gia đình ông N sử dụng theo Bản đồ địa chính thiết lập năm 1998 là 134,5m², theo Bản đồ địa chính lập năm 2004 là 144,3m², theo Biên bản kiểm đếm ngày 29/6/2015 và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thực tế sử dụng là 178,5m². Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 xác định diện tích đất thu hồi của gia đình ông N theo Biên bản kiểm đếm ngày 29/6/2015, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất và không phê duyệt bồi thường diện tích đất 34,4m² mà gia đình ông N tự coi nói sử dụng thêm sau thời điểm có thông báo giải tỏa là có căn cứ.

[3] Như vậy, các Quyết định số 1122/QĐ-UBND và 1203/QĐ - UBND cùng ngày 11/3/2016 của UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã được ban hành phù hợp với các quy định của Luật Đất đai về trình tự, thẩm quyền và căn cứ pháp lý. Quyết định giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh Khánh Hòa đối với Công ty cổ phần Sông Đà - N để thực hiện dự án Khu dân cư C là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, phù hợp với quy định của Điều 146 Luật đất đai năm 2013. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông N, bà T về việc hủy các quyết định nói trên là có cơ sở.

[4] Kháng cáo của người khởi kiện còn cho rằng cấp sơ thẩm không thực hiện thu thập chứng cứ quan trọng của vụ án, nhưng không nêu rõ đó là chứng cứ gì, ở đâu; đồng thời cũng không có căn cứ để xác định chứng cứ đó đang tồn tại nên không chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của ông Huỳnh Văn N không được chấp nhận, nên ông

phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 74 và khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013;

Bác kháng cáo của ông Huỳnh Văn N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N và bà Phùng Thị T, về yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1122/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 và yêu cầu hủy Quyết định số 1203/QĐ - UBND ngày 11/3/2016 của UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Án phí: ông N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000290 ngày 18/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26 /10/2018./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKS ND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Phòng HCTP.

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long